

CÔNG TY CỔ PHẦN TMC PARTNERS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TMC PARTNERS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMC PARTNERS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TMC PARTNERS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110425679

3. Ngày thành lập: 24/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 68, ngõ 73 Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0772958899

Fax:

Email: namchuaran192@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ đấu giá hàng hóa)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Trồng lúa	0111
20.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

21.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
22.	Trồng cây mía	0114
23.	Trồng cây lấy sợi	0116
24.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
25.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
26.	Trồng cây hàng năm khác	0119
27.	Trồng cây ăn quả	0121
28.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
29.	Trồng cây điều	0123
30.	Trồng cây hồ tiêu	0124
31.	Trồng cây cao su	0125
32.	Trồng cây cà phê	0126
33.	Trồng cây chè	0127
34.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
35.	Trồng cây lâu năm khác	0129
36.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
37.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
38.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
39.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
40.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
41.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
43.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
44.	Khai thác và thu gom than non	0520
45.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Dịch vụ đóng gói	8292
48.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
49.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
50.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
51.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
52.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
53.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
54.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
55.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
56.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
57.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

58.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
59.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
60.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
61.	Quảng cáo	7310
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
65.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
66.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
67.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
68.	Khai thác muối	0893
69.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
70.	Sản xuất sợi	1311
71.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
72.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
73.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
74.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
75.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
76.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
77.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
78.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
79.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
80.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
81.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
82.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
83.	Sản xuất giày, dép	1520
84.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
87.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
88.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Sao chép bản ghi các loại	1820
92.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
93.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219

94.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
95.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
96.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
99.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
100.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
101.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
102.	Đúc sắt, thép	2431
103.	Đúc kim loại màu	2432
104.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
105.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
106.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
107.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
108.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
109.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
110.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
111.	Sản xuất đồng hồ	2652
112.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
113.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
114.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
115.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
116.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
117.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
118.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
119.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
122.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
123.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
124.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
125.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
126.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
127.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
128.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

129.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
130.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
131.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
132.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
133.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
134.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
135.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
136.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
137.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
138.	Thu gom rác thải độc hại	3812
139.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
140.	Xây dựng nhà để ở	4101
141.	Xây dựng nhà không để ở	4102
142.	Phá dỡ	4311
143.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
144.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
145.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
146.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
147.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
148.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
149.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
150.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
151.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
152.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 50.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC NHẬT MINH	22 Hàng Điều, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.990	49.900.000	99,800	0010930028 18	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.990	49.900.000	99,800		
2	TRIỆU ĐỨC CƯỜNG	Số 68 ngõ 73 Nguyễn Lương Bảng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5	50.000	0,100	0010940094 07	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5	50.000	0,100		

3	TRẦN THU THỦY	Số 91 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5	50.000	0,100	001195032144
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5	50.000	0,100	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001195032144

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 91 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 91 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội